

Đề tài:

***Quá trình hình thành và phương
pháp liên kết mối quan hệ biện
chứng giữa lực lượng sản xuất và
quan hệ sản xuất***

Quá trình hình thành và phương pháp liên kết môi quan hệ biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất

Theo Chủ nghĩa Mac-Lênin thì loài người từ trước đến nay đã trải qua 5 hình thái kinh tế xã hội. Từ thời kỳ mông muội đến hiện đại như ngày nay, đó là : Thời kỳ công xã nguyên thủy , thời kỳ chiếm hữu nô lệ , thời kỳ phong kiến , thời kỳ tư bản chủ nghĩa và thời kỳ xã hội chủ nghĩa . Trong mỗi hình thái kinh tế xã hội được quy định bởi một phương thức sản xuất nhất định . Chính những phương thức sản xuất vật chất là yếu tố quyết định sự phát triển hình thái kinh tế xã hội . Và qua nghiên cứu thì theo một phương thức sản xuất nào cũng đều phải có sự phù hợp giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất . Lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất luôn song song tồn tại và tác động lẫn nhau để hình thành một phương thức sản xuất . Đây là hai yếu tố quan trọng quyết định tính chất , kết cấu của xã hội .

Trong bất kỳ một phương thức sản xuất nào quan hệ sản xuất cũng phải phù hợp với lực lượng sản xuất . Sự tác động qua lại và mối quan hệ giữa chúng phải hài hoà và chặt chẽ . Tuy nhiên trong hai yếu tố đó thì lực lượng sản xuất luôn quyết định quan hệ sản xuất . Một hình thái kinh tế - xã hội có ổn định và tồn tại vững chắc thì phải có một phương thức sản xuất hợp lý. Chính bởi lẽ đó mà lực lượng sản xuất phải tương xứng phù hợp với quan hệ sản xuất bởi vì xét đến cùng thì quan hệ sản xuất chính là hình thức của

lực lượng sản xuất . Vậy nên nếu lực lượng sản xuất phát triển trong khi đó quan hệ sản xuất lạc hậu thì sẽ kìm hãm sự phát triển của lực lượng sản xuất . Ngược lại quan hệ sản xuất tiến bộ hơn lực lượng sản xuất thì không phù hợp với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất gây ra sự bất ổn cho xã hội . Do đó một phương thức sản xuất hiệu quả thì phải có một quan hệ sản xuất phù hợp với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất .

Qua phân lý luận trên ta có thể thấy việc nghiên cứu mối quan hệ biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất là hết sức cần thiết . Đặc biệt trong thời kỳ hiện nay Chủ nghĩa xã hội lại có nhiều thay đổi và biến động một trong những nguyên nhân tan rã của hệ thống Xã hội chủ nghĩa là do các nước Chủ nghĩa xã hội đã xây dựng mô hình Chủ nghĩa xã hội không có sự phù hợp giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất. ở nước ta cũng vậy , sau 1954 miền bắc tiến lên Chủ nghĩa xã hội và cả nước là sau 1975 . Trong quá trình đổi mới đất nước , do nóng vội nên Đảng ta đã mắc phải sai lầm là duy trì quá lâu quan hệ sản xuất cố hữu đó là chính sách bao cấp tập trung dân chủ . Chính vì lẽ đó mà trong suốt những năm đó nền kinh tế nước ta chậm phát triển và rơi vào tình trạng khủng hoảng trong những năm đầu thập kỷ 80. Điều quan trọng hơn là Đảng ta đã nhận thức được điều đó và nhanh chóng đổi mới thông qua đại hội Đảng VI và các kỳ đại hội tiếp sau đó . Trong thời kỳ quá độ có nhiều vấn đề phức tạp cần phải giải quyết bởi vì nó là bước chuyển tiếp từ một hình thái kinh tế - xã hội này lên một hình thái kinh tế - xã hội khác. Cho nên em chọn đề tài “Mối quan hệ biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất trong thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam “để nghiên cứu . Trong bài tiểu luận này do trình độ kiến thức còn chưa sâu và đây là bài tiểu luận khoa học đầu tiên nên sẽ có nhiều

vấn đề thiếu sót , vì vậy em mong được sự chỉ bảo và giúp đỡ của các thầy cô bộ môn.

I - Mối quan hệ biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất

1. Lực lượng sản xuất.

a. Khái niệm.

Lực lượng sản xuất biểu hiện mối quan hệ giữa người với giới tự nhiên . Trình độ của lực lượng sản xuất , thể hiện trình độ trình phục tự nhiên của loài người trong quá trình tác động vào tự nhiên tạo ra của cải vật chất đảm bảo cho sự tồn tại và phát triển của loài người .

b. Nội dung

Lực lượng sản xuất bao gồm :

- Tư liệu sản xuất do xã hội tạo ra , trước hết là công cụ lao động.

-Người lao động với những kinh nghiệm sản xuất thói quen lao động ,
biết sử dụng tư liệu sản xuất để tạo ra của cải vật chất.

-Tư liệu sản xuất bao gồm : - Đối tượng lao động

- Tư liệu lao động : + Công cụ lao động

+ Những tư liệu lao
động khác

Đối tượng lao động không phải là toàn bộ giới tự nhiên , mà chỉ có một bộ phận của giới tự nhiên được đưa vào sản xuất . Con người không chỉ tìm trong giới tự nhiên những đối tượng lao động có sẵn , mà còn sáng tạo ra bản thân đối tượng lao động.

Tư liệu lao động là vật thể hay phức hợp vật thể mà con người đặt giữa mình với đối tượng lao động , chúng dẫn chuyển sự tác động của con người vào đối tượng lao động. Đối tượng lao động và tư liệu lao động là những yếu tố vật chất của quá trình lao động sản xuất hợp thành tư liệu sản xuất . Đối với mỗi thế hệ mới những tư liệu lao động do thế hệ trước để lại trở thành điểm xuất phát cho thế hệ tương lai . Vì vậy những tư liệu lao động đó là cơ sở sự kế tục của lịch sử . Tư liệu lao động chỉ trở thành lực lượng tích cực cải biến đối tượng lao động , khi chúng kết hợp với đời sống . Tư liệu lao động dù có ý nghĩa lớn lao đến đâu , nhưng nếu tách khỏi người lao động thì cũng không thể phát huy được tác dụng , không thể trở thành lực lượng sản xuất của xã hội.

Các yếu tố hợp thành lực lượng sản xuất thường xuyên có quan hệ chặt chẽ với nhau . Trong sự phát triển của hệ thống công cụ lao động và trình độ khoa học-kỹ thuật , kỹ năng lao động của con người đóng vai trò quyết định . Con người là nhân tố trung tâm và là mục đích của nền sản xuất xã hội . Lênin viết : “Lực lượng sản xuất hàng đầu của toàn thể nhân loại là công nhân , là người lao động “.

Do khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp mà thành phần con người cấu thành lực lượng sản xuất cũng thay đổi . Người lao động trong lực lượng sản xuất không chỉ gồm người lao động chân tay mà còn cả kỹ thuật viên , kỹ sư và cán bộ khoa học phục vụ trực tiếp quá trình sản xuất.

2. Quan hệ sản xuất

a. Khái niệm

Quan hệ sản xuất xã hội là quan hệ kinh tế giữa người với người trong quá trình sản xuất và tái sản xuất xã hội : Sản xuất - phân phối - trao đổi - tiêu dùng . Quan hệ sản xuất bao gồm quan hệ kinh tế - xã hội và quan hệ kinh tế tổ chức . Quan hệ sản xuất thuộc lĩnh vực đời sống vật chất của xã hội , nó tồn tại khách quan , độc lập với ý thức của con người . Quan hệ sản xuất là quan hệ kinh tế cơ bản của một hình thái kinh tế xã hội . Một kiểu quan hệ sản xuất tiêu biểu cho bản chất kinh tế xã hội nhất định.

b. Nội dung

Quan hệ sản xuất bao gồm những mặt cơ bản sau :

- Quan hệ giữa người với người đối việc về tư liệu sản xuất.
- Quan hệ giữa người với người đối việc tổ chức quản lý
- Quan hệ giữa người với người đối việc phân phối sản phẩm lao động

Ba mặt nói trên có quan hệ hữu cơ với nhau , trong đó quan hệ thứ nhất có ý nghĩa quyết định đối với tất cả những mối quan hệ khác . Bản chất của bất kỳ quan hệ sản xuất nào cũng đều phụ thuộc vào vấn đề những tư liệu sản xuất chủ yếu trong xã hội được giải quyết như thế nào.

Có hai hình thức sở hữu cơ bản về tư liệu sản xuất :

+ Sở hữu tư nhân

+ Sở hữu xã hội

Những hình thức sở hữu đó là những quan hệ kinh tế hiện thực giữa người với người trong xã hội . Đương nhiên để cho tư liệu sản xuất không trở thành “vô chủ” phải có chính sách và cơ chế rõ ràng để xác định chủ thể sở hữu và sử dụng đối với những tư liệu sản xuất nhất định.

Trong sự tác động lẫn nhau của các yếu tố cấu thành quan hệ sản xuất, quan hệ tổ chức quản lý và quan hệ phân phối có vai trò quan trọng. Những

quan này có thể góp phần củng cố quan hệ sở hữu và cũng có thể làm biến dạng quan hệ sở hữu. Các hệ thống quan hệ sản xuất ở mỗi giai đoạn lịch sử đều tồn tại trong một phương thức sản xuất nhất định . Hệ thống quan hệ sản xuất thống trị mỗi hình thái kinh tế xã hội ấy. Vì vậy khi nghiên cứu , xem xét tính chất của một hình thái xã hội thì không thể nào nhìn ở trình độ của lực lượng sản xuất mà còn phải xem xét đến tính chất của các quan hệ sản xuất .

Quan hệ kinh tế tổ chức xuất hiện trong quá trình tổ chức sản xuất . Nó vừa biểu hiện quan hệ giữa người với người , vừa biểu hiện trạng thái tự nhiên kĩ thuật của nền sản xuất . Quan hệ kinh tế tổ chức phản ánh trình độ phân công lao động xã hội , chuyên môn hoá và hợp tác hoá sản xuất . Nó do tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất qui định.

3. Quy luật về sự phù hợp giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất.

Lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất là hai mặt của phương thức sản xuất , chúng tồn tại không tách rời nhau mà tác động biện chứng lẫn nhau hình thành quy luật phổ biến của toàn bộ lịch sử loài người , quy luật về sự phù hợp quan hệ sản xuất với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất . Quy luật này vạch rõ tính chất phụ thuộc khách quan của quan hệ sản xuất và phát triển của lực lượng sản xuất . Đến lượt mình , quan hệ sản xuất tác động trở lại đối với lực lượng sản xuất . Quy luật về sự phù hợp của quan hệ sản xuất với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất là quy luật cơ bản của sự phát triển xã hội loài người . Sự tác động của nó trong lịch sử làm cho

xã hội chuyển từ hình thái kinh tế xã hội thấp lên hình thái kinh tế xã hội cao hơn.

a. Những tác động của lực lượng sản xuất quan hệ sản xuất.

Quan hệ sản xuất được hình thành, biến đổi và phát triển đều do lực lượng sản xuất quyết định.

Trong quá trình sản xuất, để lao động bớt nặng nhọc và đạt hiệu quả cao hơn, con người luôn luôn tìm cách cải tiến, hoàn thiện công cụ lao động mới tinh xảo hơn. Cùng với sự phát triển của công cụ lao động thì kinh nghiệm sản xuất, thói quen lao động, kỹ năng sản xuất, kiến thức khoa học của con người cũng tiến bộ. Lực lượng sản xuất trở thành yếu tố cách mạng nhất. Còn quan hệ sản xuất là yếu tố tương đối ổn định, có khuynh hướng lạc hậu hơn là sự phát triển của lực lượng sản xuất. Lực lượng sản xuất là nội dung của phương thức sản xuất, còn quan hệ sản xuất là hình thái xã hội của nó. Trong mối quan hệ giữa nội dung và hình thức thì hình thức phụ thuộc nội dung, nội dung quyết định hình thức, nội dung thay đổi trước, sau đó hình thức mới biến đổi theo.

Cùng với sự phát triển của lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất cũng hình thành và biến đổi phù hợp với tính chất và trình độ của của lực lượng sản xuất. Sự phù hợp đó là động lực sản xuất phát triển mạnh mẽ. Khi lực lượng sản xuất phát triển lên một trình độ mới, quan hệ sản xuất cũ không còn phù hợp nữa nên buộc phải thay thế bằng mối quan hệ mới phù hợp với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất, mở đường cho lực lượng sản xuất phát triển.

b. Sự tác động trở lại của quan hệ sản xuất đối với lực lượng sản xuất

Sự hình thành , biến đổi , phát triển của quan hệ sản xuất phụ thuộc vào tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất . Nhưng quan hệ sản xuất là hình thức xã hội mà lực lượng sản xuất dựa vào đó để phát triển , nó tác động trở lại đối với lực lượng sản xuất:Có thể thúc đẩy hoặc kìm hãm sự phát triển của lực lượng sản xuất .

Quan hệ sản xuất phù hợp với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất thì nó trở thành động lực cơ bản thúc đẩy mở đường cho lực lượng sản xuất phát triển . Ngược lại quan hệ sản xuất lỗi thời không còn phù hợp với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất , bộc lộ mâu thuẫn gay gắt với lực lượng sản xuất thì trở thành chướng ngại kìm hãm sự phát triển của lực lượng sản xuất . Song sự tác dụng kìm hãm đó chỉ là tạm thời , theo tính chất tất yếu khách quan thì nó sẽ bị thay thế bằng kiểu quan hệ sản xuất mới phù hợp với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất . Sở dĩ quan hệ sản xuất có tác động mạnh mẽ đối với lực lượng sản xuất vì nó quy định mục đích của sản xuất , quy định hệ thống của tổ chức , quản lý xã hội , quy định phương thức phân phối của cải ít hay nhiều mà người lao động được hưởng . Do đó nó ảnh hưởng đến thái độ của lực lượng sản xuất chủ yếu của xã hội (con người) , nó tạo ra những điều kiện hoặc kích thích hoặc hạn chế việc cải tiến công cụ lao động , áp dụng những thành tựu khoa học kĩ thuật vào sản xuất , hợp tác và phân công lao động . Mỗi kiểu quan hệ sản xuất là một hệ thống , một chỉnh thể hữu cơ gồm ba mặt : Quan hệ sở hữu , quan hệ quản lý và quan hệ phân phối . Chỉ trong chỉnh thể đó quan hệ sản xuất mới trở thành động lực thúc đẩy hành động nhằm phát triển sản xuất.

c. Mối quan hệ giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất qua sự tác động lẫn nhau.

Sự thống nhất và tác động qua lại giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất xã hội hợp thành phương thức sản xuất . Trong sự thống nhất biện chứng này , sự phát triển của lực lượng sản xuất đóng vai trò quyết định đối với quan hệ sản xuất . Quan hệ sản xuất phải phù hợp với tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất . Lực lượng sản xuất thường xuyên vận động , phát triển nên quan hệ sản xuất cũng luôn luôn thay đổi nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển của lực lượng sản xuất . Từ mối quan hệ biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất làm hình thành quy luật quan hệ sản xuất phải phù hợp với tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất . Đây là quy luật kinh tế chung của mọi phương thức sản xuất .

Quy luật về sự phù hợp của quan hệ sản xuất với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất là quy luật cơ bản của sự phát triển loài người . Sự tác động của nó trong lịch sử làm cho xã hội chuyển từ hình thái kinh tế xã hội thấp lên hình thái xã hội cao hơn.

II - Sự biểu hiện mối quan hệ biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất từ trước đến nay nói chung và từ năm 1954 đến nay ở Việt Nam .

1 . Sự biểu hiện mối quan hệ biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất từ trước đến nay.

Theo Chủ nghĩa Mac-Lênin thì loài người từ trước đến nay đã trải qua 5 hình thái kinh tế xã hội. Từ thời kỳ mông muội đến hiện đại như ngày nay, đó là : Thời kỳ công xã nguyên thủy , thời kỳ chiếm hữu nô lệ , thời kỳ phong kiến , thời kỳ tư bản chủ nghĩa và thời kỳ xã hội chủ nghĩa. Trong mỗi hình thái kinh tế xã hội được quy định bởi một phương thức sản xuất nhất định . Chính những phương thức sản xuất vật chất là yếu tố quyết định sự phát triển của mỗi hình thái kinh tế xã hội . trong đó hình thái kinh tế xã hội thời kì công xã nguyên thủy là hình thái sản xuất tự cung tự cấp . Đây là kiểu tổ chức kinh tế đầu tiên mà loài người sử dụng . ở thời kì này lực lượng sản xuất chưa phát triển , nó chỉ là sản xuất tự cung tự cấp , khi mà lao động thủ công chiếm vị trí thống trị . Và trong hình thái kinh tế xã hội này do lực lượng sản xuất chưa phát triển nên kéo theo sự chậm phát triển của quan hệ sản xuất . Đây là mối quan hệ kiểu tổ chức sản xuất tự nhiên , khép kín trong phạm vi nhỏ của từng đơn vị , không cho phép mở rộng mối quan hệ với các đơn vị khác . Hình thái kinh tế xã hội này còn tồn tại đến thời kì chiếm hữu nô lệ . Đến thời kì phong kiến sản xuất tự cung tự cấp tồn tại dưới hình thức điền trang , thái ấp và kinh tế nông dân gia trưởng . Vì vậy mà phương thức sản xuất ở các thời kì này có tính chất bảo thủ , trì trệ và bị giới hạn ở nhu cầu hạn hẹp thoả mãn tiêu dùng nội bộ từng gia đình

Do mỗi hình thái kinh tế xã hội như vậy nên quan hệ sản xuất của nó cũng tương ứng với một trình độ nhất định của lực lượng sản xuất đồng thời tiêu biểu cho một giai đoạn phát triển nhất định của lịch sử loài người .

Trong các quy luật khách quan chi phối sự vận động phát triển các hình thái kinh tế xã hội thì lực lượng sản xuất bảo đảm tính kế thừa trong sự phát triển tiến lên của xã hội , quy định khuynh hướng phát triển từ thấp đến

cao . Quan hệ sản xuất là mặt thứ hai của phương thức sản xuất biểu hiện tính gián đoạn trong sự phát triển của lịch sử . Những quan hệ sản xuất lỗi thời lạc hậu được xoá bỏ và thay thế bằng những kiểu sản xuất mới cao hơn trong thời kì tư bản chủ nghĩa . Trong thời kì này , Mác nhận định rằng : “phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa không thể tồn tại vĩnh viễn , mà chỉ là sự quá độ tạm thời trong lịch sử . Quá trình phát sinh và phát triển của phương thức sản xuất này . Nó không chỉ tạo ra tiền đề xã hội mà điều quan trọng là đã tạo ra những tiền đề vật chất , kinh tế cho sự phủ định sự ra đời của phương thức sản xuất mới .” đã được trình bày trong tác phẩm “Chống Duy-rinh” của F.Ăngghen . Đó là một tất yếu khách quan theo đúng yêu cầu của quan hệ sản xuất phải phù hợp với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất .

Từ sự phân tích trên cho thấy lôgic tất yếu của sự thay thế phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và sự ra đời của phương thức sản xuất mới - Cộng sản chủ nghĩa về mặt lý thuyết là phù hợp với quy luật tiến hoá của lịch sử loài người .

Theo quan niệm của C.Mac giai đoạn này phải là một xã hội cộng sản chủ nghĩa đã phát triển trên cơ sở chính nó . Do đó về mọi phương diện kinh tế , đạo đức, tinh thần còn mang dấu vết của xã hội cũ . Trong giai đoạn này quyền lợi không bao giờ có thể ở mức cao hơn chế độ kinh tế và sự phát triển văn hoá của xã hội do chế độ kinh tế đó quyết định , cho nên phân phối theo lao động là không tránh khỏi . Từ những điểm này có thể thấy giai đoạn xã hội chủ nghĩa có những đặc trưng kinh tế chủ yếu sau : Trình độ xã hội hoá tuy có cao hơn chủ nghĩa tư bản song còn thấp hơn so với giai đoạn cao của xã hội cộng sản . Quan hệ sở hữu về tư liệu sản xuất tồn tại dưới hai hình

thức chủ yếu : Sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể . Lao động vừa là quyền lợi vừa là nghĩa vụ , phân phối theo lao động còn mang dấu vết “pháp quyền tư sản”. Kết thúc giai đoạn thấp , xã hội cộng sản bước lên giai đoạn cao , giai đoạn mà sự phụ thuộc có tính chất nô dịch của họ vào sự phân công lao động không còn nữa , cùng với sự phụ thuộc đó sự đối lập giữa lao động trí óc với lao động chân tay không còn nữa , khi mà lao động không những là phương tiện để sinh sống mà bản thân nó còn là nhu cầu bậc nhất của sự sinh sống , khi mà cùng với sự phát triển toàn diện của các cá nhân , năng suất của họ cũng ngày một tăng lên và tất cả các nguồn mới có thể vượt hẳn ra khỏi giới hạn chật hẹp của các quyền tư sản .

Tóm lại mối quan hệ biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất vạch ra quy luật khách quan của sự phát triển xã hội như một quá trình lịch sử tự nhiên . Trong đó sự sản xuất ra đời sống xã hội của mình , con người ta có những quan hệ nhất định , tất yếu không tùy thuộc vào ý muốn của họ , tức những quan hệ sản xuất , những quan hệ này phù hợp với một trình độ phát triển nhất định của lực lượng sản xuất vật chất của họ . Toàn bộ những quan hệ sản xuất ấy hợp thành cơ cấu kinh tế của xã hội tức là cái cơ sở hiện thực , trên đó xây dựng lên một kiến trúc thượng tầng pháp lý và chính trị tương ứng với cơ sở thực tại đó có những hình thái ý thức xã hội nhất định . Phương thức sản xuất chính trị và tinh thần nói chung . Không phải ý thức con người quyết định sự tồn tại của họ , trái lại chính sự tồn tại xã hội của họ quyết định ý thức của họ . Tới một giai đoạn phát triển nào đó của chúng , các lực lượng sản xuất vật chất của xã hội sẽ gây mâu thuẫn với những quan hệ sản xuất hiện có , hay đây chỉ là biểu hiện pháp lý của những quan hệ sở hữu , trong đó từ trước tới nay các lực lượng sản xuất vẫn phát

triển . Từ chỗ là những hình thức phát triển của lực lượng sản xuất , khi đó bắt đầu thời đại của cuộc cách mạng xã hội .

2. Biểu hiện của mối quan hệ từ năm 1954 - 1975 ở Việt Nam.

Năm 1954 sau khi hoà bình lập lại ở miền Bắc , Đảng ta đã thực hiện chủ trương đưa đất nước tiến lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua tư bản chủ nghĩa . Mặc dù chủ trương đưa đất nước tiến lên chủ nghĩa xã hội đã được xác định từ đầu thế kỷ XX , nhưng đến thời gian này mới có điều kiện để đưa đất nước tiến lên theo con đường này . Tuy nhiên sau một thời gian dài nước ta phải chịu ách thống trị của thực dân Pháp với những chính sách thống trị “ngu dân” của chúng đã làm cho con người của đất nước chúng ta kém phát triển và bị tụt hậu , điều đó ảnh hưởng trực tiếp đến lực lượng sản xuất , nó làm cho nền kinh tế nước ta bị tụt hậu rất nhiều năm so với thế giới bên ngoài . Chúng ta đều biết rằng phương thức sản xuất là cách con người thực hiện quá trình sản xuất vật chất ở những giai đoạn lịch sử nhất định . Phương thức sản xuất là sự thống nhất biện chứng giữa quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất , trong đó lực lượng sản xuất là thống nhất hữu cơ giữa tư liệu sản xuất (trước hết là công cụ lao động) và những người sử dụng những tư liệu này để sản xuất ra của cải vật chất . Trong lực lượng sản xuất yếu tố con người đóng vai trò chủ thể và quyết định . Con người chẳng những là chủ thể tham gia trực tiếp vào quá trình lao động sản xuất bằng sức mạnh cơ bắp , trí tuệ của mình , mà còn không ngừng sáng tạo ra những công cụ lao động để sản xuất . Từ tình hình lực lượng sản xuất như vậy nên quan hệ sản xuất trong thời kì này tồn tại nhiều hình thức sở hữu khác nhau đó là : Sở hữu cá nhân , sở hữu tập thể và sở hữu tư bản tư nhân . Trong hoàn cảnh phương thức sản xuất diễn ra

như vậy nên Đảng ta đã chủ trương cải tạo : ở thành phố là công tư hợp doanh còn ở nông thôn là cải cách ruộng đất .

Đảng ta đã quyết tâm đưa miền Bắc quá độ lên chủ nghĩa xã hội . Từ những chủ trương đổi mới của Đảng ta mà đến năm 1960 quan hệ sản xuất đã có sự thay đổi cơ bản từ hình thức sở hữu tư nhân đưa lên hình thức sở hữu tập thể , hình thức sở hữu tập thể đưa lên hình thức quốc doanh , còn hình thức tư bản tư nhân thì vận động lên hình thức công tư hợp doanh .

Những chủ trương trên đã được Đảng ta khẳng định trong đại hội Đảng III. Mặc dù quan hệ sản xuất lúc này không còn được phù hợp chặt chẽ với lực lượng sản xuất , nhưng trong hoàn cảnh đất nước có chiến tranh thì tài sản tập trung trong tay nhà nước và quan hệ phân phối theo lao động lại là chính sách có hiệu quả để thúc đẩy đất nước đi lên dành thắng lợi lịch sử mùa xuân năm 1975 và thực hiện cải cách miền Bắc thành công .

3. Quá trình tồn tại và phát triển của mối quan hệ biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất ở Việt nam từ năm 1975 đến trước 1986.

Mùa xuân năm 1975 với chiến dịch Hồ chí minh lịch sử nước ta đã hoàn toàn giải phóng . Đảng ta chủ trương đưa cả nước theo con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa . Tuy nhiên do quá vội vã trong công cuộc đổi mới đất nước nên Đảng ta đã mắc phải một số sai lầm . Những sai lầm lúc này là : Duy trì quá lâu cơ chế tập trung quan liêu bao cấp , chỉ tồn tại hai hình thức sở hữu là tập thể và quốc doanh với cơ chế “xin cho , cấp phát”. Từ những sai lầm trên đã dẫn đến những hậu quả về

kinh tế xã hội : Các thành phần kinh tế kém phát triển và lâm vào tình trạng khủng hoảng kinh tế những năm đầu thập kỷ 80 . Điều đó cũng chứng tỏ rằng mối quan hệ giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất là không phù hợp . Một mối quan hệ sản xuất tiến bộ không thể áp đặt cho một lực lượng sản xuất thấp kém . Đó chính là bài học cho Đảng ta trong công cuộc đổi mới đất nước .

4. Sự biểu hiện của mối quan hệ từ năm 1986 đến nay

Đứng trước tình hình khó khăn và những sai lầm đã mắc phải trước đó , đại hội đại biểu toàn quốc khóa VI của Đảng cộng sản Việt nam đã đưa ra đường lối đổi mới đất nước . Đổi mới không phải là thay đổi mục tiêu xã hội chủ nghĩa mà là nhận thức cho đúng mục tiêu và con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta .

Chúng ta tiến lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa , đó không phải là những bước đi tất yếu , hợp quy luật . Từ đó Đảng cộng sản Việt nam đã quy định ra đường lối chuyển từ mô hình kế hoạch hoá tập trung sang xây dựng nền kinh tế nhiều thành phần là phù hợp với đặc điểm phát triển của lực lượng sản xuất trong điều kiện nước ta hiện nay . Nó cho phép khai thác tốt nhất các năng lực sản xuất trong nước , thúc đẩy quá trình phân công lao động trong nước với quốc tế và khu vực , thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển nhanh chóng . Trong các thành phần kinh tế , Đảng khẳng định kinh tế nông nghiệp đóng vai trò chủ đạo . Những thành tựu đạt được về mặt kinh tế trong những năm qua đã chứng minh điều đó .

Đại hội đại biểu toàn quốc khoá VIII của Đảng cộng sản Việt nam nhận định “Nước ta chuyển thời kỳ phát triển mới , thời kỳ thúc đẩy mạnh công nghiệp hoá , hiện đại hoá đất nước Mục tiêu của công nghiệp hoá , hiện đại hoá là xây dựng nước ta thành một nước công nghiệp có cơ sở vật chất kĩ thuật hiện đại , cơ cấu kinh tế hợp lý , quan hệ sản xuất tiên bộ phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất . . . “

Đảng ta còn khẳng định : “Nền công nghiệp hoá , hiện đại hoá tạo nên lực lượng sản xuất cần thiết cho chế độ xã hội mới , thì việc phát triển nền hành hoá nhiều thành phần chính là để xây dựng hệ thống quan hệ sản xuất phù hợp . . .”

Nền kinh tế hành hoá nhiều thành phần mà Đảng ta chủ trương là nền kinh tế phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa . Do đó phải chăm lo đổi mới và phát triển kinh tế nông nghiệp và kinh tế hợp tác , làm cho nền kinh tế nông nghiệp thật sự làm ăn có hiệu quả , phát huy vai trò chủ đạo , cùng với kinh tế hợp tác xã phấn đấu dần trở thành nền tảng của nền kinh tế quốc dân.

C - KẾT LUẬN

Đảng ta đã vận dụng sự phù hợp của mối quan hệ giữa quan hệ sản xuất với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất ở nước ta hiện nay và tương lai .

Trong đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng ta đã khẳng định là : “Xây dựng nước ta thành một nước công nghiệp có cơ sở vật chất kĩ thuật hiện đại , cơ cấu kinh tế hợp lý , quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất , đời sống vật chất và tinh thần cao , quốc phòng an ninh vững chắc , dân giàu nước mạnh xã hội công bằng , văn minh”

Chúng ta đều biết rằng từ trước tới nay công nghiệp hoá hiện đại hoá là khuynh hướng tất yếu của tất cả các nước . Đối với nước ta , từ một nền kinh tế tiểu nông , muốn thoát khỏi nghèo nàn , lạc hậu và nhanh chóng đạt đến trình độ của một nước phát triển thì tất yếu cũng phải đẩy mạnh công nghiệp hoá hiện đại hoá như là : “Một cuộc cách mạng toàn diện và sâu sắc trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội “.

Trước những năm tiến hành công cuộc đổi mới chúng ta đã xác định công nghiệp hoá là nhiệm vụ trung tâm của các thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội . Song về mặt nhận thức chúng ta đã đặt công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa ở vị trí gần như đối lập hoàn toàn với công nghiệp hoá tư bản chủ

nghĩa . Trong lựa chọn bước đi đã có lúc chúng ta thiên về phát triển công nghiệp nặng , coi đó là giải pháp xây dựng cơ sở vật chất kĩ thuật cho chủ nghĩa xã hội , nà không coi trọng đúng mức việc phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ . Công nghiệp hoá cũng được hiểu một cách đơn giản là quá trình xây dựng một nền sản xuất được khí hoá trong tất cả các ngành kinh tế quốc dân.

Công nghiệp hoá phải đi đôi với hiện đại hoá , kết hợp những bước tiến tuân tự về công nghiệp với việc tranh thủ các cơ hội đi tắt , đón đầu , hình thành những mũi nhọn phát triển theo trình độ tiên tiến của khoa học công nghệ thế giới . Mặt khác chúng ta phải chú trọng xây dựng nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần , vận hành theo thị trường , có sự điều tiết của nhà nước và theo định hướng xã hội chủ nghĩa . Đây là hai nhiệm vụ được thực hiện đồng thời , chúng luôn tác động thúc đẩy hỗ trợ lẫn nhau cùng phát triển . Bởi lẽ “Nếu công nghiệp hoá hiện đại hoá tạo lên lực lượng sản xuất cần thiết cho chế độ xã hội mới , thì việc phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần chính là để xây dựng hệ thống quan hệ sản xuất phù hợp”.

MỤC LỤC

A. Lời nói đầu.....	1
B. Nội dung.....	3
<i>I. Mối quan hệ biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất</i> <i>.....</i>	<i>3</i>
1. Lực lượng sản xuất	3
2. Quan hệ sản xuất	4
3. Quy luật về sự phù hợp giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất	6
<i>II. Sự biểu hiện mối quan hệ biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan</i> <i>hệ sản xuất từ trước đến nay nói chung và từ năm 1954 đến ở Việt Nam</i> <i>.....</i>	<i>8</i>
1. Sự biểu hiện mối quan hệ biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất từ trước đến nay.....	8

2. Biểu hiện của mối quan hệ từ năm 1954 - 1975 ở Việt Nam	11
3. Quá trình tồn tại và phát triển của mối quan hệ biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất ở Việt Nam từ 1975 - trước 1986	13
4. Sự biểu hiện của mối quan hệ từ 1986 đến nay	13
C. Kết luận	15